

Trường:
.....

Họ và tên: Lớp:
5.....

Điểm	Nhận xét của giáo viên

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 – MÔN TOÁN LỚP 5

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống · Bộ đề 3

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

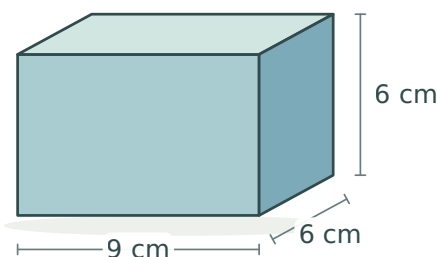
Câu 1 (0,5 điểm). Số 0,08 được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là:

- A. 0,08% B. 0,8% C. 8% D. 80%

Câu 2 (0,5 điểm). Đoạn thẳng dài thật 45 m trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500 dài:

- A. 9 cm B. 90 cm C. 0,9 cm D. 4,5 cm

Câu 3 (0,5 điểm). Diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật dưới đây là:



- A. 324 cm^2 B. 90 cm^2 C. 108 cm^2 D. 180 cm^2

Câu 4 (0,5 điểm). Một hình lập phương có cạnh 5 cm. Diện tích xung quanh của hình lập phương là:

- A. 25 cm^2 B. 100 cm^2 C. 125 cm^2 D. 150 cm^2

Câu 5 (0,5 điểm). Một đội dự định trồng 150 cây. Đội đã trồng được 80% số cây dự định. Đội đã trồng được bao nhiêu cây?

- A. 30 cây B. 80 cây C. 120 cây D. 230 cây

Câu 6 (0,5 điểm). Lớp A có 30 bạn, trong đó có 12 bạn nữ. Lớp B có 40 bạn, trong đó có 16 bạn nữ. Nhận xét nào đúng?

- A. Tỉ lệ học sinh nữ hai lớp bằng nhau B. Tỉ lệ học sinh nữ lớp A cao hơn
C. Tỉ lệ học sinh nữ lớp B cao hơn D. Không so sánh được

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $67,45 + 8,906$

.....
.....
.....
.....

b) $100,2 - 47,685$

.....
.....
.....
.....

c) $5,6 \times 4,25$

.....
.....
.....
.....

d) $76,32 : 2,4$

.....
.....
.....
.....

Câu 2 (1 điểm). Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $2 \text{ km } 75 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ km}$

b) $0,625 \text{ tấn} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

c) $6 \text{ ha } 40 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

d) $8 \text{ dm}^3 \text{ } 9 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$

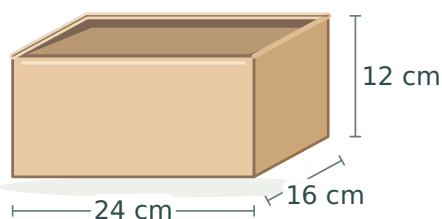
Câu 3 (2 điểm). Hai thùng chứa tổng cộng 144 kg thóc. Lượng thóc trong thùng thứ nhất bằng $\frac{5}{7}$ lượng thóc trong thùng thứ hai. Hỏi mỗi thùng chứa bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

.....
.....
.....
.....

Câu 4 (2 điểm). Làm một hộp bìa hình hộp chữ nhật không có nắp, kích thước như hình. Bỏ qua các mép dán và độ dày tấm bìa.

a) Tính diện tích bìa cần dùng.

b) Tính thể tích của hộp.



.....
.....
.....
.....

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	D	B	C	A

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Câu 1. Phương pháp: Đổi số thập phân thành phần trăm.

Lời giải: $0,08 = 8\%$.

Đáp án: C.

Câu 2. Phương pháp: Đổi mét ra xăng-ti-mét rồi chia 500.

Lời giải: $45\text{ m} = 4\,500\text{ cm}$. $4\,500 : 500 = 9\text{ (cm)}$.

Đáp án: A.

Câu 3. Phương pháp: Lấy chu vi đáy nhân với chiều cao.

Lời giải: $(9 + 6) \times 2 \times 6 = 180\text{ (cm}^2\text{)}$.

Đáp án: D.

Câu 4. Phương pháp: Diện tích xung quanh bằng diện tích một mặt nhân 4.

Lời giải: $5 \times 5 \times 4 = 100\text{ (cm}^2\text{)}$.

Đáp án: B.

Câu 5. Phương pháp: Tìm 80% của 150.

Lời giải: $150 \times 80 : 100 = 120\text{ (cây)}$.

Đáp án: C.

Câu 6. Phương pháp: Tính tỉ số phần trăm học sinh nữ của từng lớp rồi so sánh.

Lời giải: Lớp A: $12 : 30 = 0,4 = 40\%$. Lớp B: $16 : 40 = 0,4 = 40\%$. Hai tỉ lệ bằng nhau.

Đáp án: A.

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Phương pháp: Cộng trừ thẳng hàng; nhân số tự nhiên rồi đặt dấu phẩy; chuyển số chia thành số tự nhiên.

Lời giải:

a) $67,450 + 8,906 = 76,356$.

b) $100,200 - 47,685 = 52,515$.

c) $56 \times 425 = 23\,800$, đặt 3 chữ số sau dấu phẩy: $5,6 \times 4,25 = 23,8$.

d) $76,32 : 2,4 = 763,2 : 24 = 31,8$.

Chấm điểm: Mỗi ý đặt tính và tính đúng được 0,5 điểm.

Câu 2 (1 điểm). Phương pháp: Dùng quan hệ giữa các đơn vị ghi trong từng ý; viết đúng vị trí dấu phẩy khi đổi sang đơn vị lớn hơn.

Lời giải:

- a) $2\text{ km } 75\text{ m} = 2,075\text{ km}$.
b) $0,625\text{ tấn} = 625\text{ kg}$.
c) $6\text{ ha } 40\text{ m}^2 = 6,004\text{ ha}$.
d) $8\text{ dm}^3\text{ } 9\text{ cm}^3 = 8,009\text{ dm}^3$.

Chấm điểm: Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

Câu 3 (2 điểm). Phương pháp: Coi lượng thóc hai thùng lần lượt là 5 phần và 7 phần bằng nhau. Tìm lượng thóc thùng thứ nhất rồi tìm thùng thứ hai.

Lời giải:

Tổng số phần bằng nhau là:

$$5 + 7 = 12 \text{ (phần)}.$$

Lượng thóc thùng thứ nhất là:

$$144 : 12 \times 5 = 60 \text{ (kg)}.$$

Lượng thóc thùng thứ hai là:

$$144 - 60 = 84 \text{ (kg)}.$$

Đáp số: Thùng thứ nhất 60 kg; thùng thứ hai 84 kg.

Chấm điểm: Tổng số phần: 0,5 điểm; lượng thóc thùng thứ nhất: 0,75 điểm; thùng thứ hai và đáp số: 0,75 điểm. Chấp nhận cách giải khác đúng.

Câu 4 (2 điểm). Phương pháp: Hộp không nắp gồm bốn mặt bên và một mặt đáy. Thể tích bằng chiều dài nhân chiều rộng nhân chiều cao.

Lời giải:

a) Diện tích xung quanh của hộp là:

$$(24 + 16) \times 2 \times 12 = 960 \text{ (cm}^2\text{)}.$$

Diện tích đáy hộp là:

$$24 \times 16 = 384 \text{ (cm}^2\text{)}.$$

Diện tích bìa cần dùng là:

$$960 + 384 = 1\,344 \text{ (cm}^2\text{)}.$$

b) Thể tích của hộp là:

$$24 \times 16 \times 12 = 4\,608 \text{ (cm}^3\text{)}.$$

Đáp số: a) $1\,344\text{ cm}^2$; b) $4\,608\text{ cm}^3$.

Chấm điểm: Mỗi bước tính đúng kèm lời giải phù hợp được 0,5 điểm; điểm bước cuối bao gồm đáp số. Chấp nhận cách giải khác đúng.